

VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHẬT BẢN (2001-2010)

Mai Thúy Bảo Hạnh*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một cách khái quát và hệ thống vai trò của Chính phủ đối với sự phát triển kinh tế Nhật Bản (2001 - 2010). Bằng những kế hoạch chiến lược trong quá trình phát triển kinh tế đất nước với những chương trình cải cách lớn như là cải cách hành chính, cải cách cơ cấu kinh tế, cải cách hệ thống tài chính, cải cách cơ cấu hệ thống bảo hiểm xã hội, cải cách cơ cấu tài chính, cải cách giáo dục... Chính phủ Nhật Bản đã đem lại cho đất nước sự hồi sinh mới sau những khó khăn mà Nhật Bản đã và đang trải qua.

ABSTRACT

The paper presents generally and systematically Japanese Government's role in the country's economic development (2001-2010). By strategic plans in the process of developing country's economy with great reform program such as administrative reform, economic structural reform, financial system reform, financial structural reform, education reform, structural reform in social assurance system, etc. Japanese government has brought about a new revival for its country after lots of difficulties which Japan has been experiencing.

Đứng¹ trước nền kinh tế ngày càng sa sút, nạn thất nghiệp ngày càng tăng cao hơn trước, trong thời gian qua, Chính phủ Nhật Bản đã tiến hành nhiều giải pháp điều chỉnh quan trọng để phục hồi nền kinh tế nói chung, tăng tính ổn định và tạo nhiều công ăn việc làm nói riêng cho người dân Nhật Bản. Cụ thể, Chính phủ Nhật Bản đã xúc tiến những biện pháp việc làm thiết thực mà Chính phủ đặt ra trong sự phát triển kinh tế đi lên của Nhật Bản.

Thứ nhất, lựa chọn mô hình, hoạch định và triển khai chiến lược phát triển kinh tế

1. Cải tổ cơ cấu của nền kinh tế Nhật Bản với phương châm “không có tăng trưởng nếu không có cải tổ”

Để duy trì tốc độ tăng trưởng và xây dựng một quốc gia giàu có, vững mạnh, Chính phủ Nhật Bản đã điều chỉnh cơ cấu kinh tế trong cả ba lĩnh vực: cơ cấu ngành, cơ cấu vùng và cơ cấu khu vực công ty. Sự điều chỉnh này đã khắc phục những bất hợp lý về mặt cơ cấu kinh tế, đưa nền kinh tế đi theo hướng trí tuệ hóa và hội nhập một cách có hiệu quả với xu thế toàn cầu.

- Một là, điều chỉnh cơ cấu ngành

* Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa Học - Đại học Huế

Trong thời gian từ năm 2001 -2010, sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế diễn ra theo các hướng cơ bản sau:

- Xây dựng quốc gia công nghệ thông tin tiên tiến toàn cầu. Về mặt này, Nhật Bản đã xây dựng “Chương trình công nghệ thông tin” 2001-2010 qua đó xây dựng mạng lưới cáp quang và xa lộ thông tin siêu cao tốc ở khắp nơi trong toàn quốc¹.

Trong ngành công nghiệp viễn thông, Chính phủ Nhật Bản xây dựng một hệ thống viễn thông có hiệu suất cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất và đời sống. Ngoài ra, Chính phủ còn tạo môi trường bình đẳng cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này, từng bước tạo ra mạng lưới thông tin tinh xảo, có hiệu quả cao. Dựa vào những ưu thế của kỹ thuật tin học - điện tử - truyền thông, Chính phủ Nhật Bản đã đem lại tăng trưởng mới cho nền kinh tế và tiếp tục khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế toàn cầu.

- Trong cải cách cơ cấu công nghiệp, Chính phủ ưu tiên phát triển công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng, vật liệu xây dựng mới nhằm mục đích giảm thiểu những tác động của hiệu ứng nhà kính, bù đắp những cạn kiệt của tài nguyên và sản sinh ra những sản phẩm mới phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

Ngoài ra, Chính phủ Nhật Bản chú trọng đến việc phát triển kỹ thuật khai thác biển, các công nghệ gen phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghệ hàng không...

- Để phù hợp với yêu cầu của sự phát triển kinh tế và sự tiến bộ của khoa học - công

nghệ Chính phủ đã điều chỉnh, chuyển hướng trong các ngành sản xuất truyền thống. Đó là nâng cao tỷ lệ các ngành công nghiệp trí thức, giảm tỷ lệ các ngành sản xuất thô, sơ chế. Các ngành mũi nhọn là điện tử, công nghệ ô tô, công nghiệp hóa chất... Bên cạnh đó, đặc biệt chú ý đến lĩnh vực tài chính ngân hàng và chứng khoán.

Ti trọng ngành kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp giảm mạnh, tuy nhiên khu vực kinh tế này sẽ có sự thay đổi về chất đó là khuyến khích sự phát triển nông, lâm, ngư nghiệp có sự gắn bó chặt chẽ với khu vực thành thị, đưa khu vực nông thôn trở thành những vùng sinh thái lý tưởng, khắc phục những cộng đồng làng xã trên cơ sở chéo ngành nhằm hạn chế sự di dân ra thành thị, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng đất... Với những việc làm này, Chính phủ Nhật Bản đã phát triển một nền nông nghiệp hiệu quả, phát huy những lợi thế sẵn có, tạo việc làm, bảo vệ môi trường sinh thái cho từng vùng trên toàn đất nước.

• Hai là, điều chỉnh cơ cấu vùng

Để đảm bảo phát huy tính đặc thù của từng vùng, tạo ra sự phát triển đa dạng hài hòa của nền kinh tế với môi trường thiên nhiên, đẩy mạnh mở cửa hội nhập quốc tế Chính phủ đã tiến hành các biện pháp sau:

- Xây dựng những vùng dân cư tự chủ với môi trường tự nhiên phong phú trong đó người dân có cuộc sống đầy đủ, tiện nghi với hệ thống dịch vụ đô thị thuận tiện. Bên cạnh đó, nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống thông tin liên lạc và giao thông vận tải. Tập trung xây dựng các vùng không chỉ phát triển kinh tế mà còn thành những thắng cảnh quốc tế.

- Chính phủ Nhật Bản tập trung giải quyết các vấn đề như nạn ùn tắc giao thông, ô nhiễm

¹ Vũ Văn Hà (2003), *Điều chỉnh cải cách kinh tế Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu hóa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội

môi trường... Đồng thời đổi mới, hình thành các chức năng đô thị, hình thành các “thành phố trọng điểm”. Các thành phố này sẽ phân định vai trò và chức năng hoạt động, tiến hành hợp tác đa phương để góp phần vào việc cải tạo các vùng đô thị này.

- Xây dựng các hành lang hợp tác vùng. Các thành phố với những đặc thù riêng tiến hành hợp tác trên phạm vi rộng lớn, hình thành nên các liên kết vùng năng động và tự chủ.

- Xây dựng khu vực hợp tác quốc tế quy mô lớn thúc đẩy hình thành một cơ cấu kinh tế vùng mới năng động và sẽ là cơ sở tạo dựng một quốc gia mở đối với quốc tế thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế. Đồng thời, các hành lang hợp tác vùng làm tăng sức sống cho cộng đồng dân cư trong các vùng .

- Ba là, điều chỉnh cơ cấu kinh doanh

- Trong vấn đề phát triển doanh nghiệp Nhà nước và tư nhân hóa.

Nền kinh tế Nhật Bản chủ yếu dựa vào sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Nhà nước cũng có vai trò quan trọng trong một số lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm... Vì vậy, Chính phủ Nhật Bản đã tiến hành những biện pháp điều chỉnh thích hợp để cải cách cơ cấu công nghiệp. Đối với doanh nghiệp Nhà nước chưa tư nhân hóa, Chính phủ đã tiến hành xem xét các hoạt động để làm giảm những chi phí tài chính cho khu vực này. Bên cạnh đó, Chính phủ thực hiện chương trình cải cách có điều chỉnh trong 6 lĩnh vực công cộng được ưu tiên, đó là lĩnh vực chăm sóc y tế, phúc lợi và chăm sóc trẻ em, nguồn nhân lực, giáo dục, môi trường và phục hưng thành thị.

- Để hoạt động doanh nghiệp mang tính hiệu quả cao hơn, Chính phủ đã điều chỉnh tái cơ cấu cho những công ty gặp khó khăn về tài chính và miễn nợ trong quá trình tái cơ cấu. ...Ngoài ra Chính phủ đã sửa đổi luật tái cơ cấu công ty và luật tái cơ cấu nhân sự nhằm mang lại tính hợp lý hơn cho khu vực công ty.

- Về quy mô công ty, Chính phủ Nhật Bản đã chấm dứt sản xuất tập trung, quy mô lớn của các tập đoàn và doanh nghiệp lớn, hình thành các công ty nhỏ với chức năng chuyên môn hóa và hiện đại hóa cao.

- Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp mới sẽ đem lại mô hình quản lý xí nghiệp hoàn toàn mới cho các công ty Nhật Bản. Đó là xóa bỏ phương thức phân công quản lý theo chức năng thay thế bằng phân công theo chu trình sản xuất. Vì thế, người quản lý xí nghiệp sẽ chủ động hơn trong việc xác định ưu thế trọng tâm của xí nghiệp .

2. Đẩy mạnh xuất khẩu.

Nhật Bản là quốc gia đứng đầu thế giới về sản xuất ô tô và là một trong những nước hàng đầu về nền công nghiệp đóng tàu, sản xuất sắt thép, đồ điện và các thiết bị điện tử... Vì vậy, thành tựu kinh tế Nhật Bản chủ yếu tập trung trong ngành công nghiệp chế tạo. Với những tiến bộ nhanh chóng đó đã giúp Nhật Bản mở rộng nền kinh tế theo hướng xuất khẩu. Bên cạnh đó, ngành tài chính ngân hàng phát triển mạnh cùng thủ đô Tokyo là một trong những trung tâm thương mại và thị trường chứng khoán chủ yếu trên thế giới. Ngoài ra, thức ăn hàng ngày của người Nhật là đồ biển nên ngành

đánh bắt cá chiếm một vị trí quan trọng trong xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.¹

3. Điều chỉnh chính sách tài chính - tiền tệ phù hợp với thời kỳ phát triển kinh tế.

- Trước tiên trong khu vực kinh tế Nhà nước: Trong những năm gần đây mức độ thâm hụt của ngân sách đã giảm, do đó quy mô nợ công cũng tăng chậm lại. Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản đã cân bằng ngân sách cơ bản và thực thi chương trình tư nhân hóa bưu điện.²

- Trong khu vực tài chính - ngân hàng: nhờ nguồn vốn hỗ trợ từ phía Chính phủ, cũng như các nỗ lực của khu vực tư nhân, nợ xấu về cơ bản đã được loại bỏ. Hơn nữa các nỗ lực của Chính phủ trong việc giám sát các ngân hàng và một số khu vực khác đã đóng vai trò quan trọng trong việc lành mạnh hóa khu vực ngân hàng. Chính phủ đã buộc các ngân hàng và các công ty hữu quan chấm dứt chế độ “cổ phần chéo”.³

Với vai trò quan trọng của mình, Chính phủ Nhật Bản đã làm cho nền kinh tế Nhật Bản lấy lại vị trí của mình trên trường quốc tế. Vì thế, vai trò đầu tàu của nền kinh tế này đối với thế giới đang tăng tốc và chắc chắn nó sẽ còn vươn xa hơn nữa.

¹ Lưu Ngọc Trinh (2003), “Cải tổ kinh tế Nhật Bản định hướng, tiến trình và trở ngại”, *Tạp chí những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 5.

² Nguyễn Thanh Đức (2007), “Kinh tế các nước phát triển 2006: đặc điểm và triển vọng”, *Tạp chí những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 3.

³ Dương Phú Hiệp (2001), *Triển vọng kinh tế Nhật Bản trong thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Đầu tư và phát triển trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật có quy mô lớn

- Về khoa học kỹ thuật: Hiện nay, Chính phủ Nhật Bản đã thực hiện nhiều chính sách cải cách giáo dục - đào tạo và phát triển khoa học công nghệ. Cụ thể, Nhật Bản xây dựng nhiều trung tâm sáng tạo và xuất khẩu công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano.⁴ Bên cạnh đó, Chính phủ Nhật Bản đã tạo điều kiện tối đa cho các trung tâm nghiên cứu khoa học và các công nghệ tiên tiến. Mục tiêu là tạo khả năng nâng cao tiềm lực nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới. Mặt khác, Chính phủ Nhật Bản chú trọng hơn những ngành khoa học cơ bản thông qua việc tăng kinh phí nghiên cứu cho các trường Đại học, khuyến khích các trường đại học và các doanh nghiệp hợp tác với nhau...

5. Tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường

Nhật Bản trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới về tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, Chính phủ còn chú trọng đến công nghệ và kỹ thuật sử dụng năng lượng một cách an toàn như gió và thủy triều để thay thế cho việc sử dụng năng lượng hóa thạch truyền thống vừa đắt vừa làm ô nhiễm và đang cạn kiệt dần.

Bảo vệ môi trường là một ưu tiên hàng đầu trong chương trình hành động của Chính phủ và nhiều đoàn thể xã hội ở Nhật Bản.

Thứ hai, tăng cường sự ổn định về chính trị, xã hội và chính sách vĩ mô để kinh tế thị trường có điều kiện phát triển.

⁴ Lưu Ngọc Trinh (2003) “Quốc tế hóa nền kinh tế Nhật Bản những năm gần đây”, *Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, Số 6.

1. Ổn định tình hình chính trị - xã hội

Với bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, thì việc ổn định chính trị là yêu cầu thiết yếu nhất để duy trì sự phát triển của đất nước và xu hướng chính trị chung của Nhật Bản lúc này vừa hợp tác vừa cạnh tranh, đồng thời tìm kiếm phương cách khẳng định vị thế của mình. Có thể nhận thấy rằng, Nhật Bản trong thập niên tới có nhiều biến đổi trên chính trường nhưng đó là sự xáo trộn, thay đổi cần thiết tìm ra mô hình phù hợp cho sự phát triển đất nước. Buộc các chính đảng phải có chính sách phù hợp với xu thế mở cửa chung của thế giới, hướng tới tạo lập bầu không khí hòa bình, hợp tác và phát triển.

Nền kinh tế bong bóng sụp đổ vào những năm 90 của thế kỷ XX, đã làm cho Nhật Bản lâm vào cảnh trì trệ, suy thoái kéo dài. Để cứu vớt tình thế Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra nhiều chính sách, biện pháp. Tuy nhiên, qua 12 năm liên tiếp, nước Nhật đã trải qua tổng cộng 10 đời thủ tướng nhưng các thủ tướng đánh "bất lực" và từ bỏ chính trường chính trị trước hạn nhiệm. Tháng 4/2001, Ông J. Koizumi đã gây bất ngờ lớn khi đắc cử và trở thành thủ tướng Nhật Bản trong tình trạng kinh tế suy thoái, khó khăn chồng chất. Đến năm 2006 sự thay đổi lớn đối với Nhật Bản có thể đánh giá bằng hai chữ "kỳ tích Nhật Bản đã vững vàng bước ra khỏi bãi lầy kinh tế".

Ngay khi lên nắm quyền, thủ tướng J. Koizumi và nội các của ông đã rất nhấn mạnh đến cải cách cơ cấu. Với khẩu hiệu "Không tăng trưởng, nếu không cải cách cơ cấu" và "cải cách không trừ một thánh địa nào". Chính quyền Koizumi và cả chính quyền sau này của Shinzo Abe đã tiến hành cải cách kinh tế toàn diện, sâu rộng nhằm tạo ra những thay đổi căn bản cho nền kinh tế.

Trong xu thế phát triển, với nền kinh tế đóng vai trò hàng đầu, một cường quốc kinh tế như Nhật Bản có nhiều thuận lợi để thể hiện vai trò chính trị của mình trên thế giới. Chính phủ Nhật Bản đã dùng sức mạnh kinh tế để vươn lên về chính trị và từ vị thế chính trị mới sẽ tạo điều kiện cho việc thúc đẩy tiềm lực kinh tế quốc gia. Vì thế, Nhật Bản đã sử dụng sức mạnh kinh tế - khoa học kỹ thuật như là công cụ để giành lấy vai trò chính trị an ninh mở rộng hơn.

2. Hình thành bản sắc quốc gia - dân tộc

Là một quốc gia có địa lý ranh giới rõ ràng, đại bộ phận dân cư dùng chung một thứ ngôn ngữ và có chung một nền văn hóa đầy bản sắc. Dân tộc Nhật Bản là kết quả của sự pha trộn giữa các chủng tộc. Vì đây là nơi tận cùng của lục địa nên các dân tộc khi tới đây không thể đi tiếp được nữa mà phải ở lại và pha trộn vào các dân tộc tới sau. Ngày nay, dân tộc Nhật là dân tộc được đánh giá là có tính thuần nhất cao, cụ thể là 99.3% dân số của quốc gia này là người Nhật. Chính vì vậy, người Nhật có tính tự hào dân tộc và tinh thần dân tộc rất cao.

Bên cạnh đó, văn hóa Nhật Bản ngày nay là sự kết tinh thành quả lao động hàng ngàn năm của những cư dân trên quần đảo này. Là sự kết hợp sáng tạo giữa giá trị văn hóa bản địa và các giá trị văn hóa nước ngoài, do vậy đây là nơi hội tụ của văn hóa phương đông và phương tây. Vì thế, để giữ gìn bản sắc văn hóa quốc gia - dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay Chính phủ Nhật Bản đã có biện pháp cơ bản như tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức và năng lực giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc cho người dân. Đây là giải pháp cơ bản nhằm nâng cao nhận thức, năng lực và hiệu quả hoạt động của người dân trong

việc tham gia giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế hiện nay.

3. Thực hiện chính sách đối ngoại thực dụng

Với tham vọng trở thành cường quốc về quân sự và chính trị, vì vậy phát huy vai trò cũng như nâng cao vị thế, tầm ảnh hưởng quốc tế của mình là rất quan trọng. Nhận thức điều đó, Chính phủ Nhật Bản đã không ngừng thiết lập mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp với các nước lớn, nhỏ, đặc biệt duy trì lập trường của Nhật Bản là gắn liền vấn đề quốc tế và vấn đề toàn cầu liên quan đến lợi ích quốc gia. Bên cạnh đó, việc thay đổi cách ứng xử ngoại giao là điều không thể tránh khỏi, đối với cường quốc như Mỹ thì duy trì mối quan hệ “Hòn đá tảng”, muốn hợp tác với tư cách đối tác chiến lược toàn cầu, cùng chia sẻ quyền lãnh đạo và lợi ích nhất là ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Thủ tướng Shinzo Abe tuyên bố Trung Quốc là một đối tác quan trọng nhất đối với sự thịnh vượng và an ninh của Nhật Bản¹. Với Bán đảo Triều Tiên, mặc dù chưa có nhiều tiến triển do bất đồng quan điểm nhưng việc đóng góp tích cực trong tiến trình đàm phán 6 bên về vấn đề vũ khí hạt nhân ở CHDCND Triều Tiên trong thời gian gần đây là một cố gắng mà Nhật Bản đã thực hiện được. Hay việc điều chỉnh trong quan hệ với Liên Bang Nga theo hướng cân bằng và mở rộng, bởi Nhật Bản có nhu cầu tranh thủ Nga về thị trường, lôi kéo Nga vào cơ chế khu vực, quốc tế để kiểm chế, đồng thời tạo thế trong quan hệ với

Mỹ và Trung Quốc, hy vọng thông qua quan hệ kinh tế để giải quyết nhanh chóng vấn đề tranh chấp lãnh thổ. Đối với EU, Nhật Bản đã tăng cường mối quan hệ hữu hảo nhằm tranh thủ sự ủng hộ cao, tạo thế trong quan hệ với Mỹ, tiến hành xây dựng cầu nối giữa Châu Âu và châu Á mà trong đó Nhật Bản đóng vai trò chi phối ở Châu Á. Ngoài ra, Chính phủ Nhật Bản còn áp dụng nhiều chính sách tiến bộ đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và khu vực Đông Nam Á.

Thứ ba, chính sách phân quyền

Tiến hành phân quyền nền kinh tế là một việc mà Chính phủ Nhật Bản rất quan tâm, bởi vậy cứ một đời nội các được thành lập đều lập tức nhấn mạnh sự phi điều chỉnh, nhằm tăng hiệu quả hoạt động của nền kinh tế và có thể hội nhập kinh tế quốc tế.

Để tạo cho nền kinh tế và các công ty trở nên năng động làm việc có hiệu quả hơn, đồng thời để giảm gánh nặng cho ngân sách do phải trợ cấp để bù lỗ cho các công ty thuộc sở hữu Nhà nước và trước yêu cầu đòi chống độc quyền và bảo hộ của các bạn hàng Âu - Mỹ, Chính phủ Nhật Bản đã tiến hành các bước thu hẹp phạm vi sở hữu và kinh doanh của Nhà Nước. Ngoài ra, Chính phủ còn xúc tiến tư nhân hóa công ty bưu điện Nhật Bản, tư nhân hóa các tập đoàn cầu đường.

Phân quyền ở Nhật Bản ngày càng được nhấn mạnh cả ở cấp Trung ương lẫn các cấp địa phương. Trong khi Trung ương nhấn mạnh phân quyền nhằm mục tiêu khuyến khích tự lập và giảm phụ thuộc vào hỗ trợ của Trung ương, thì địa phương coi phân quyền là điều kiện cần thiết để họ có thể phát huy tính sáng tạo và cá tính của mình. Với chủ trương phân quyền nền kinh tế Nhật Bản sẽ không những linh hoạt và

¹ Nguyễn Xuân Sơn - Nguyễn Văn Du (2006), *Chiến lược đối ngoại của các nước lớn và quan hệ Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

năng động hơn trong việc giải quyết các vấn đề trong nước, mà còn có thể hội nhập dễ dàng hơn vào các nền kinh tế khu vực và quốc tế, sẽ thuận lợi hơn trong việc xúc tiến các hiệp định thương mại tự do với các nước. Nhờ đó, sẽ có sức mạnh cạnh tranh lớn hơn, vững vàng hơn trước những biến động bất ngờ cả về kinh tế, chính trị lẫn an ninh của thế giới.

Thứ tư, với tư cách là một nền kinh tế lớn trên thế giới Nhật Bản đang tích cực hội nhập vào nền kinh tế quốc tế.

Trong quá trình này, sự tham gia của tư bản nước ngoài vào các hoạt động kinh doanh của Nhật Bản đang tăng lên nhanh chóng. Nó là một trong những yếu tố vừa tạo ra áp lực, vừa làm thay đổi tư duy của người Nhật, dẫn tới xu hướng thay đổi cách thức quản lý kinh doanh ở Nhật Bản. Như vậy, Nhật Bản đang chuyển từ mô hình mở rộng quy mô sang mô hình nhấn mạnh hiệu quả. Xu hướng làm cho Nhật Bản phải điều tiết việc thay đổi cách thức lao động suốt đời. Người Nhật Bản sẽ dần quen với việc liên tục đi tìm việc làm mới, tại công ty mới.

Không chỉ có hội nhập quốc tế ở lĩnh vực thương mại, Chính phủ Nhật Bản còn tích cực đầu tư ra nước ngoài, vừa để thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và công ty vừa để vận dụng lợi thế về lao động, tài nguyên và thị trường cũng như để xuất khẩu sang nước thứ ba.

Để đáp ứng đòi hỏi của tình hình hiện nay, Chính phủ Nhật Bản đang nỗ lực tăng khoản viện trợ ODA cho các nước đang phát triển, cố gắng tham gia vào các diễn đàn an ninh cũng như diễn đàn chính trị khu vực và quốc tế.

Thứ năm, thực hiện các chính sách xã hội tạo điều kiện để kinh tế phát triển.

Một là, chính sách giáo dục

Việc đầu tư cho phát triển giáo dục là chìa khóa tạo ra một đội ngũ nhân lực hùng hậu đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế Nhật hiện nay và trong tương lai. Do xu thế già hóa dân số nhanh chóng và tỷ lệ sinh thấp, nên các trường Đại học và cao đẳng sẽ sớm phải đương đầu với cuộc khó khăn trong các đợt tuyển sinh. Trước thực tế là số học sinh ngày càng ít đi do hiện tượng sinh ít con. Vì thế số lượng học sinh trung học tốt nghiệp để thi vào các trường Đại học, cao đẳng ít gây khó khăn trong tuyển sinh. Các trường Đại học ở Nhật Bản ngày càng phải trở nên năng động trong việc thu hút các đối tượng học sinh khác (học sinh nước ngoài). Để khuyến khích sự cạnh tranh giữa các trường Đại học trong việc thu hút học sinh và giảm sự phụ thuộc vào hỗ trợ của Nhà nước, Chính phủ Nhật Bản đã tiến hành giao quyền tự chủ cho các trường Đại học quốc gia, buộc các trường này tự lập hơn về mặt tài chính. Điều này sẽ tạo điều kiện cho các trường Đại học năng động hơn trong việc tuyển sinh, lựa chọn giáo viên và điều chỉnh chương trình các ngành học phải phù hợp yêu cầu mới của xã hội.

Mặt khác, Chính phủ Nhật Bản đang tiến hành cải cách chương trình giảng dạy ở tất cả các bậc giáo dục theo hướng bồi dưỡng cho học sinh khả năng thích ứng tốt với môi trường đang thay đổi nhanh chóng, khuyến khích học sinh phát huy tính sáng tạo và cá tính. Quyền tự chủ của các trường Đại học và địa phương sẽ được nhấn mạnh hơn. Nhiều quy chế học đường khắt khe trước đây đang dần được nói lỏng. Đồng thời đổi mới phương pháp giảng dạy trong các trường phổ thông. Ngoài ra, Chính phủ Nhật Bản còn tích cực chuẩn bị những điều kiện và khuyến khích mọi người

dân nỗ lực xây dựng Nhật Bản trở thành “một xã hội học tập suốt đời”.

Hai là, Chính sách dân số.

Hiện nay Nhật Bản là nước có tuổi thọ trung bình cao nhất thế giới. Nam là 78 và nữ 85, vượt cả quốc gia như Mỹ và các nước Tây Âu. Xu hướng giảm dân số và già hóa đang bị đẩy nhanh do tình hình lựa chọn sinh đẻ của phụ nữ. Vì vậy, vấn đề già hóa dân số và tỷ lệ sinh thấp đang là vấn đề khó khăn trong xã hội Nhật Bản. Để đối phó vấn đề lớn này, Chính phủ Nhật Bản đang nói lỏng nhập cư, nhập khẩu lao động, khuyến khích các công ty kéo dài tuổi hưu bắt buộc cho nhân viên, sử dụng lại lao động đã về hưu còn sức khỏe, khuyến khích và tạo điều kiện để phụ nữ tham gia lao động. Bên cạnh đó, hệ thống lương hưu và bảo hiểm mới phải có điều chỉnh như thế nào để làm hài lòng phần đông nhân dân nhưng phải hạn chế tối đa gánh nặng tài chính cho ngân sách Chính phủ.

Như vậy, sự hồi sinh của nền kinh tế Nhật Bản hiện nay là kết quả của hàng loạt những cải cách của Chính phủ Nhật Bản. Qua đó, càng khẳng định hơn vai trò quan trọng của Chính phủ Nhật Bản trong việc lãnh đạo và đã đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng, tăng

trường nhanh chóng để tiếp tục khẳng định vị trí thứ hai thế giới của mình trong thế kỷ XXI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Đức (2007), “Kinh tế các nước phát triển 2006: đặc điểm và triển vọng”, Tạp chí những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, Số 3, Trang 21-31.
2. Nguyễn Thanh Hiền “Chính trị Nhật Bản trong hai năm đầu của thế kỷ XXI: sự kiện và luận chứng”, Kỷ yếu hội thảo khoa học “Nhật Bản trong thế giới Đông Á và Đông Nam Á”, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 2002.
3. Dương Phú Hiệp (2001), Triển vọng kinh tế Nhật Bản trong thập niên đầu thế kỷ XXI, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Anh Phương (2009), Những điều cần biết về Nhật Bản và kinh nghiệm giao tiếp thương mại với người Nhật, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Lưu Ngọc Trinh (2003) “Quốc tế hóa nền kinh tế Nhật Bản những năm gần đây”, Tạp chí nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, Số 6, Trang 3-7.

Ngày nhận bài: 25/03/2016

Ngày gửi phản biện: 5/11/2016